

Số: /BC-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo PII tỉnh Bắc Giang năm 2023

Ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả triển khai Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (ĐMST) cấp địa phương PII năm 2023 và đăng tải thông tin trên chuyên trang về PII của Báo điện tử VnExpress; căn cứ kết quả PII của tỉnh Bắc Giang, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phân tích và báo cáo một số nội dung kết quả về Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp địa phương năm 2023 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh Bắc Giang như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ PII NĂM 2023

Bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 (được gọi tắt là PII theo tiếng Anh - Provincial Innovation Index) có 52 chỉ số, chia làm 7 trụ cột¹ gồm:

- 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH dựa trên KH,CN&ĐMST, bao gồm: (1) *Thế chế*, (2) *Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển*, (3) *Cơ sở hạ tầng*, (4) *Trình độ phát triển của thị trường* và (5) *Trình độ phát triển của doanh nghiệp*.

- 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của KH,CN&ĐMST vào phát triển KT-XH, bao gồm: (6) *Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ*, (7) *Tác động*.

Dữ liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số PII 2023 được lấy từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất từ số liệu thống kê, quản lý nhà nước được công bố chính thức từ các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức ở trung ương (có 39/52 chỉ số) và nguồn thứ hai do các địa phương thu thập và cung cấp - kèm theo các tài liệu minh chứng (có 13/52 chỉ số).

II. CHỈ SỐ PII CỦA TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023

Theo báo cáo PII, Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 của tỉnh Bắc Giang đạt **46,51** điểm, xếp thứ hạng **11/63** tỉnh, thành phố.

- **Chỉ số PII gồm có 07 trụ cột gồm:**

¹ **Trụ cột 1.** Thế chế gồm hai nhóm chỉ số 1.1. Môi trường chính sách (có 3 chỉ số thành phần) và 1.2. Môi trường kinh doanh (có 4 chỉ số thành phần). **Trụ cột 2.** Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển gồm hai nhóm chỉ số 2.1. Giáo dục (có 3 chỉ số thành phần) và 2.2. Nghiên cứu và Phát triển (có 4 chỉ số thành phần). **Trụ cột 3.** Cơ sở hạ tầng gồm hai nhóm chỉ số 3.1. Hạ tầng ICT (có 2 chỉ số thành phần) và 3.2. Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái (có 3 chỉ số thành phần). **Trụ cột 4.** Trình độ phát triển của thị trường gồm hai nhóm chỉ số 4.1. Tài chính và Đầu tư (có 4 chỉ số thành phần) và 4.2. Quy mô thị trường (có 3 chỉ số thành phần). **Trụ cột 5.** Trình độ phát triển của doanh nghiệp gồm ba nhóm chỉ số 5.1. Lao động có kiến thức (có 3 chỉ số thành phần), 5.2. Liên kết sáng tạo (có 3 chỉ số thành phần), 5.3. Hấp thu tri thức (có 3 chỉ số thành phần). **Trụ cột 6** có ba nhóm chỉ số gồm 6.1. Sáng tạo tri thức (có 2 chỉ số thành phần), 6.2. Tài sản vô hình (có 4 chỉ số thành phần), 6.3. Lan tỏa tri thức (có 3 chỉ số thành phần). **Trụ cột 7.** Tác động có hai nhóm chỉ số gồm 7.1. Tác động đến sản xuất - kinh doanh (có 4 chỉ số thành phần) và 7.2. Tác động đến KT-XH (có 4 chỉ số thành phần).

- (1) Trụ cột 1. Thể chế;
- (2) Trụ cột 2. Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển;
- (3) Trụ cột 3. Cơ sở hạ tầng;
- (4) Trụ cột 4. Trình độ phát triển của thị trường;
- (5) Trụ cột 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp;
- (6) Trụ cột 6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ;
- (7) Trụ cột 7. Tác động.

- Kết quả PII Bắc Giang năm 2023:

+ Có **04/7** trụ cột trong **tốp 10** các địa phương dẫn đầu cả nước, bao gồm:

- (1) Trụ cột 1. Thể chế: đạt **67.23** điểm, xếp thứ hạng **4/63** tỉnh/thành phố;
- (2) Trụ cột 3. Cơ sở hạ tầng: đạt **69.32** điểm, xếp thứ hạng **05/63** tỉnh/thành phố;
- (3) Trụ cột 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp: đạt **43.96** điểm, xếp thứ hạng **07/63** tỉnh/thành phố;
- (4). Trụ cột 7. Tác động: đạt **66.21** điểm, xếp thứ hạng **01/63** tỉnh/thành phố.

+ Có **3/7** trụ cột xếp thứ hạng thấp bao gồm:

- (1) Trụ cột 2. Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển: đạt **67.23** điểm, xếp thứ hạng **58/63** tỉnh/thành phố;
- (2) Trụ cột 4. Trình độ phát triển thị trường: đạt **33.26** điểm, xếp thứ hạng **31/63** tỉnh/thành phố;
- (3) Trụ cột 6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ: đạt **26.34** điểm, xếp thứ hạng **27/63** tỉnh/thành phố.

- Tính điểm số PII, Đầu vào, Đầu ra và 7 trụ cột của các địa phương theo 6 vùng kinh tế - xã hội: Bắc Giang đạt 46,51 điểm xếp thứ hai của 14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (*sau Thái Nguyên*). Bắc Giang được đánh giá là địa phương có tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng cao và có thu nhập bình quân đầu người ở mức khá.

(*Có Bảng điểm số theo các trụ cột, nhóm chỉ số và chỉ số thành phần PII 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ kèm theo*)

III. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THEO CÁC CHỈ SỐ VÀ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PII NĂM 2023 CỦA TỈNH BẮC GIANG

1. Trụ cột Thể chế gồm 02 nhóm chỉ số, gồm 07 chỉ số thành phần

* *Điểm các chỉ số thành phần:*

1.1. Chỉ số Môi trường chính sách có 03 chỉ số thành phần:

- (1) *Chỉ số Chính sách thúc đẩy KH, CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội (STI)* đạt 12.76 điểm;
- (2) *Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự* đạt 100.00 điểm;
- (3) *Chính sách hỗ trợ DNNVV* đạt 61.64 điểm;

1.2. Chỉ số Môi trường kinh doanh có 04 chỉ số thành phần:

- (1) *Chi phí gia nhập thị trường* đạt 20.34 điểm;
- (2) *Tính năng động của chính quyền* đạt 97.59 điểm;
- (3) *Cải cách hành chính* đạt 88.94 điểm;
- (4) *Cạnh tranh bình đẳng* đạt 98.46 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Có **05/07** chỉ số thành phần đạt số điểm cao, các chỉ số thành phần đạt tỷ lệ trên 90% điểm số gồm: *Thiết kế pháp lý và an ninh trật tự; Tính năng động của chính quyền; Cạnh tranh bình đẳng; Cải cách hành chính.*

- *Điểm yếu:* Có **02/07** chỉ số thành phần có điểm số thấp gồm:

+ Chỉ số Chính sách thúc đẩy KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội (STI) phản ánh các văn bản của địa phương quy định, triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước về tạo điều kiện thuận lợi cho ĐMST là các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, đề án, quy định... được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành dưới hình thức Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND cấp tỉnh và hiện đang có hiệu lực;

+ Chi phí gia nhập thị trường, đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm.

2. Trụ cột *Vốn con người và Nghiên cứu và Phát triển* gồm 02 nhóm chỉ số, có 7 chỉ số thành phần

* *Điểm các chỉ số thành phần:*

2.1. Chỉ số Giáo dục có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT đạt 47.64 điểm;
- (2) Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT đạt 1.64 điểm;
- (3) Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học đạt 38.42 điểm;

2.2. Chỉ số Nghiên cứu và Phát triển có 04 chỉ số thành phần:

- (1) Nhân lực NC&PT (toàn thời gian) đạt 6.31 điểm;
- (2) Tỷ lệ chi cho KH&CN đạt 17.07 điểm;
- (3) Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đạt 2.43 điểm;
- (4) Số tổ chức KH&CN đạt 14.72 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:*

+ Ở trụ cột này điểm mạnh không có, cơ bản các chỉ số chỉ số thành phần đạt điểm thấp;

+ Có **02/07** chỉ số thành phần đạt điểm mức trung bình gồm: Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT, Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học.

- *Điểm yếu:* Có **05/07** chỉ số thành phần có điểm số thấp gồm:

+ Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT: phản ánh tỷ lệ học

sinh THCS và THPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật ở địa phương;

+ Chỉ số Nhân lực NC&PT (toàn thời gian): phản ánh là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động NC&PT trong cơ quan/tổ chức và được trả tiền (*được thanh toán*) cho dịch vụ của họ, bao gồm cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật và nhân viên hỗ trợ;

+ Chỉ số Tỷ lệ chi cho KH&CN: phản ánh mức độ quan tâm của địa phương tới việc đầu tư, thực hiện các hoạt động KH&CN&ĐMST;

+ Chỉ số Chi cho R&D (Nghiên cứu và phát triển): phản ánh về nguồn cấp kinh phí, bao gồm các khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ nguồn ngoài ngân sách, từ nguồn nước ngoài. Về loại chi, gồm chi đầu tư phát triển, chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chi cho các hoạt động của cơ quan và chi khác;

+ Chỉ số số tổ chức KH&CN: phản ánh là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký theo quy định của pháp luật (*đăng ký tại Sở Khoa học và Công nghệ và Bộ KH&CN*).

3. Trụ cột Cơ sở hạ tầng gồm 02 nhóm chỉ số, có 5 chỉ số thành phần*
Điểm các chỉ số thành phần:

3.1. Chỉ số Hạ tầng ICT có 02 chỉ số thành phần:

- (1) Hạ tầng số đạt (46.75);
- (2) Quản trị điện tử đạt 82.14 điểm;

3.2. Chỉ số Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Cơ sở hạ tầng đạt 63.21 điểm;
- (2) Tỷ lệ diện tích đất CN đã được xây dựng kết cấu hạ tầng đạt 82.82 điểm;
- (3) Quản trị môi trường đạt 76.52 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Có **04/05** chỉ số thành phần đạt số điểm ở mức cao.

- *Điểm yếu:* Có **01/05** chỉ số thành phần “Hạ tầng số” có điểm số thấp hơn các thành phần chỉ số khác. Đây là chỉ số thuộc thành phần Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và công bố.

4. Trụ cột Trình độ phát triển của thị trường gồm 02 nhóm chỉ số, có 7 chỉ số thành phần

* *Điểm các chỉ số thành phần:*

4.1. Chỉ số Tài chính và đầu tư có 04 chỉ số thành phần:

- (1) Tín dụng cho khu vực tư nhân đạt 7.57 điểm;
- (2) Vay tài chính vi mô đạt 86.22 điểm;
- (3) Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đạt 43,79 điểm;
- (4) Giá trị TS cố định và ĐT tài chính dài hạn của các DN đạt 32.32 điểm;

4.2. Chỉ số Quy mô thị trường có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN đạt 18.90 điểm;
- (2) Mật độ doanh nghiệp đạt 21.05 điểm;
- (3) Đóng góp vào GDP cả nước đạt 32.18 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:*

- + Có **01/07** chỉ số thành phần đạt điểm số cao “Vay tài chính vi mô”;
- + Có **03/07** chỉ số thành phần đạt điểm số mức trung bình gồm: Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN, Giá trị TS cố định và ĐT tài chính dài hạn của các DN, Đóng góp vào GDP cả nước.

- *Điểm yếu:* Có **03/07** chỉ số thành phần điểm số thấp gồm:

+ Chỉ số Tín dụng cho khu vực tư nhân: phản ánh sự sẵn có và mức tín dụng tiếp cận được ở địa phương nhằm phục vụ sản xuất - kinh doanh, bao gồm thực hiện hoạt động ĐMST ở địa phương. Dư nợ tín dụng của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có trụ sở/chi nhánh ở địa phương: là toàn bộ số dư bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại một thời điểm cụ thể của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với các pháp nhân, cá nhân là cư trú của Việt Nam thuộc khu vực tư nhân và là khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình;

+ Chỉ số Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN: phản ánh các doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN bao gồm các doanh nghiệp hoạt động pháp luật, kế toán; dịch vụ trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn pháp lí; hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kĩ thuật; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quảng cáo và nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;

+ Chỉ số Mật độ doanh nghiệp: phản ánh quy mô thị trường của địa phương; số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tính trên 1,000 dân của địa phương.

5. Trụ cột Trình độ phát triển của doanh nghiệp gồm 03 nhóm chỉ số, có 9 chỉ số thành phần

* *Điểm các chỉ số thành phần:*

5.1. Chỉ số Lao động kiến thức có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động đạt 43.96 điểm;
- (2) Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo đạt 63.90 điểm;
- (3) Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt 53.66 điểm;

5.2. Chỉ số Liên kết sáng tạo có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN đạt 57,22 điểm;
- (2) Tỷ lệ dự án đang hoạt động trong các KCN đạt 20.00 điểm;
- (3) Tỷ lệ các dự án trong các cụm CN đạt 4.46 điểm;

5.3. Chỉ số Hấp thu tri thức có 3 chỉ số thành phần:

- (1) Đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt 55.40 điểm;
- (2) Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST đạt 65.71 điểm;

(3) Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO đạt 31.29 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:*

+ Có **03/09** chỉ số thành phần đạt điểm số cao gồm: Tỷ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo, Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST, Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN;

+ Có **04/09** chỉ số thành phần đạt điểm số mức trung bình gồm: Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động, Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), Đầu tư trực tiếp của nước ngoài, Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO.

- *Điểm yếu:* Có **02/09** chỉ số thành phần đạt điểm thấp, đặc biệt chỉ số Tỷ lệ các dự án trong các cụm CN gồm:

+ Chỉ số Tỷ lệ dự án đang hoạt động trong các KCN: phản ánh các dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp bao gồm (i) doanh nghiệp đã đăng ký thành lập mới và đang hoạt động trong các khu công nghiệp ở địa phương; (ii) cơ sở/nhà máy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có trụ sở ở ngoài khu công nghiệp của địa phương đang hoạt động trong các khu công nghiệp của địa phương. Các khu công nghiệp ở địa phương được tính trong chỉ số này bao gồm: (i) *khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp mở rộng (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP)*; (ii) *khu kinh tế, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt (theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)*; (iii) *khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao)*; (iv) *khu CNTT tập trung (theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP)*; (v) *vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định 66/2015/QĐ-TTg)*;

+ Chỉ số Tỷ lệ các dự án trong các cụm Công nghiệp: phản ánh các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp có thể thành lập doanh nghiệp mới hoặc là một dự án của doanh nghiệp đang hoạt động ở ngoài cụm hoặc trong cụm (*một doanh nghiệp có thể có nhiều dự án đầu tư trong cụm công nghiệp*). Các cụm công nghiệp ở địa phương bao gồm: cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (*theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP*).

6. Trụ cột Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ gồm 03 nhóm chỉ số, có 9 chỉ số thành phần

* *Điểm các chỉ số thành phần:*

6.1. Chỉ số Sáng tạo tri thức có 02 chỉ số thành phần:

- (1) Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích đạt 18.31 điểm;
- (2) Đơn đăng ký giống cây trồng đạt 32.28 điểm;

6.2. Chỉ số Tài sản vô hình có 04 chỉ số thành phần:

- (1) Đơn đăng ký nhãn hiệu đạt 49.32 điểm;
- (2) Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể đạt 37.35 điểm;
- (3) Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đạt 2.81 điểm;
- (4) Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận đạt 30.57 điểm;

6.3. Chỉ số Lan tỏa tri thức có 03 chỉ số thành phần:

- (1) Số doanh nghiệp mới thành lập đạt 33.33 điểm;
- (2) Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN đạt 37.81 điểm;
- (3) Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đạt 0.00 điểm.

* *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu:*

- *Điểm mạnh:* Có **06/09** chỉ số thành phần đạt mức điểm trung bình như: Đơn đăng ký giống cây trồng, Đơn đăng ký nhãn hiệu, Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể, Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận, Số doanh nghiệp mới thành lập, Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN.

- *Điểm yếu:* Có **03/09** chỉ số thành phần điểm số thấp, trong đó chỉ số Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đạt 0 điểm gồm:

+ Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích: phản ánh giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế được bảo hộ độc quyền dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Giải pháp kỹ thuật - đối tượng được bảo hộ dưới danh nghĩa là sáng chế là tập hợp cần và đủ các thông tin về cách thức kỹ thuật và hoặc phương tiện kỹ thuật (ứng dụng các quy luật tự nhiên) nhằm giải quyết một nhiệm vụ xác định. Giải pháp kỹ thuật có thể thuộc một trong các dạng: (i) Sản phẩm; (ii) Quy trình hay phương pháp;

+ Chỉ số Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp: phản ánh số đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp/10,000 dân;

+ Chỉ số Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: phản ánh tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh (*Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*).

7. Trụ cột Tác động gồm 03 nhóm chỉ số, có 8 chỉ số thành phần

* *Kết quả các chỉ số thành phần:*

7.1. Chỉ số Tác động đến SXKD có 04 chỉ số thành phần:

- (1) Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt 100.00 điểm;
- (2) Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên đạt 18.79 điểm;
- (3) Giá trị xuất khẩu đạt 100.00 điểm;
- (4) Tốc độ tăng năng suất lao động đạt 86,14;

7.2. Chỉ số Tác động đến xã hội có 04 chỉ số thành phần:

- (1) Tốc độ giảm nghèo đạt 70.35 điểm;
- (2) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 55.25 điểm;
- (3) Thu nhập bình quân đầu người đạt 37.16 điểm;
- (4) Chỉ số phát triển con người đạt 61.99 điểm.

** Điểm mạnh:*

- + Có **06/08** chỉ số thành phần đạt điểm số cao, có 02 chỉ số thành phần đạt giá trị tuyệt đối như: Chỉ số sản xuất công nghiệp, Giá trị xuất khẩu;
- + Có **01/08** chỉ số đạt mức điểm trung bình “Thu nhập bình quân đầu người”.

** Điểm yếu:* Có **01/08** chỉ số thành phần đạt điểm số còn thấp “*Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên*”, phản ánh Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững (theo Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022).

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (ĐMST) cấp địa phương PII năm 2023 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất UBND tỉnh:

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2024 của tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) năm 2023 của tỉnh Bắc Giang. Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng báo cáo./.

(Đính kèm theo Báo cáo phụ lục trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương liên quan đến các chỉ số thành phần PII 2023 còn thấp điểm)

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Mai Sơn - PCT TT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện thành phố;
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình